

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc ủy quyền công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

Căn cứ Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 của Bộ Y tế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Sở Y tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh; Thiết bị y tế; Y, Dược cổ truyền; Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế Quảng Nam. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

### Điều 2.

Tổ chức thực hiện

Văn phòng UBND tỉnh: đăng tải nội dung Quyết định lên trang Văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ: <http://qpl.vpubnd.quangnam.vn> để

các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

Sở Y tế có trách nhiệm: cập nhật, đồng bộ Danh mục thủ tục hành chính lên Trang thông tin điện tử của Sở và Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>); phối hợp với Trung Tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để niêm yết dữ liệu đúng theo quy định. Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập quy trình điện tử vào Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông; các đơn vị trực thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ Y tế;
- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm CNTT &TT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, TCHC.

**TU. CHỦ TỊCH  
GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**



**Mai Văn Mười**



## DANH MỤC

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Đơn vị thực hiện	Mức phí từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 (đồng/hồ sơ)	Mức phí từ ngày 01/01/2025 trở đi (đồng/hồ sơ)
<b>I LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH</b>					
1	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyên tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng; cấp cứu viện ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Sở Y tế	301.000	430.000
2	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyên tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		301.000	430.000
3	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số <a href="#">90/2023/NĐ-CP</a> ; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01	- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số <a href="#">96/2023/NĐ-CP</a> ; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01

				<p>năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng: 105.000;</p> <p>- Các trường hợp còn lại: 301.000. (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</p>	<p>tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng: 150.000;</p> <p>- Các trường hợp còn lại: 430.000. (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</p>
4	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	<p>- Bệnh viện: 7.350.000;</p> <p>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 3.990.000;</p> <p>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 2.170.000;</p> <p>- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.010.000;</p> <p>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 3.010.000</p>	<p>- Bệnh viện: 10.500.000;</p> <p>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000;</p> <p>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000;</p> <p>- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000;</p> <p>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000</p>
5	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		1.050.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)	1.500.000 (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)
6	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		<p>- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 1.050.000</p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>+ Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng,</p>	<p>- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 1.500.000</p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:</p> <p>+ Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám</p>

				Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 3.000.000; + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 2.170.000; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 3.010.000.	dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000; + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000; + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000.
7	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Sở Y tế	310.000	430.000
8	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Sở Y tế	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số <u>96/2023/NĐ-CP</u> ; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 105.000; - Các trường hợp còn lại: 310.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số <u>96/2023/NĐ-CP</u> ; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 150.000; - Các trường hợp còn lại: 430.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)
9	1.002464	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		700.000	1.000.000
10	1.000562	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong Trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Sở Y tế	700.000	1.000.000
11	1.000511	Cấp lại giấy xác nhận nội dung (quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo		700.000	1.000.000

<b>II THIẾT BỊ Y TẾ</b>					
1	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Sở Y tế	2.100.000	3.000.000
2	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B		2.100.000	3.000.000
3	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế		2.100.000	3.000.000
<b>III LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG</b>					
1	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Sở Y tế	210.000	300.000
2	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		210.000	300.000
<b>IV LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN</b>					
1	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Sở Y tế	1.750.000	2.500.000
2	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		1.750.000	2.500.000
3	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		1.750.000	2.500.000